

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 9 - 2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh;

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Trịnh Thị Huệ và Bà Bùi Thị Kim Loan;

**Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** chị Lê Thị H, sinh năm: 2003; nơi thường trú: tổ F, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở hiện nay: tổ C, khu Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

**Bị đơn:** anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1996; nơi thường trú: tổ F, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2024, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H đều trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh trên tinh thần tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu 01 năm. Sau khi kết hôn anh chị về sống chung cùng gia đình nhà nội tại tổ F, khu T, phường C thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, cuộc sống chung ngay sau kết hôn đã không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chị không làm ầm ĩ lên mà cố gắng nhẫn nhịn vì con, thỉnh thoảng anh T còn có hành vi bạo hành chị, không quan tâm đến gia đình, dựa dẫm vào bố mẹ quá nhiều. Sau khi sinh con chị cũng có rối loạn về cảm xúc khi không thể chịu đựng chị đã làm ầm ĩ lên trước sự chứng kiến của gia đình anh T, được mọi người an ủi thì chị lấy lại cân bằng và nghĩ đến con còn nhỏ nên cũng bỏ

qua. Từ tháng 4/2024, mâu thuẫn vợ chồng chị lên đến đỉnh điểm, cả hai xảy ra xô xát, đánh nhau nên chị đã đưa con về nhà ngoại ở, anh T thường xuyên xuống kiếm chuyện cãi nhau, quấy rối, chửi bới, đe dọa chị. Anh T cho rằng chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác là không đúng, chị có nhờ một người bạn đóng giả làm người yêu để anh T hiểu cảm giác có người thứ 3 nhưng anh T lại cho rằng chị bồ bịch lãng nhãng, việc anh T cho rằng chị chung sống với người đàn ông khác là không có căn cứ. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không đạt kết quả, đến nay chị không còn tình cảm dành cho anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/7/2023. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì con chung còn quá nhỏ, cần có sự chăm sóc của chị. Trong quá trình giải quyết vụ án chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung mức 3.000.000 đồng/tháng vì khi ở cùng với gia đình anh T, con còn nhỏ chị chưa đi làm được nên lương của anh T là nguồn thu nhập chính, chị ở nhà bán quần áo online thu nhập không ổn định. Hiện nay con chung của anh chị đã đi học, từ ngày 08/7/2024 chị đã làm việc tại quán B (ở C) tuy không có hợp đồng lao động nhưng có thu nhập ổn định từ 6 - 8 triệu đồng/tháng, thời gian làm việc từ 8 giờ 30 sáng đến 2 giờ chiều sau đó nghỉ ngơi và làm từ 4 giờ 30 chiều đến 10 - 11 giờ đêm, đủ để nuôi con. Bản thân anh T không tự chăm sóc được cho con mà phụ thuộc vào ông bà nội, ông bà có chăm tốt đến đâu cũng không bằng tình cảm mẹ con, sự che chở của người mẹ. Anh T còn thiếu tư cách đạo đức (bố anh T hay đánh mẹ anh T nhưng anh T vẫn dửng dưng, nằm chơi game, không can ngăn) nên chị không muốn con lớn lên cũng giống tính cách của bố. Kể từ ngày chị cho con về ngoại, anh T không chu cấp và không có trách nhiệm với con, mọi chi tiêu, trang trải cho con đều do chị bỏ ra, sau này nếu anh T không có trách nhiệm với con thì không được đón con về. Hiện nay, ngoài con chung với anh T ra thì chị còn nuôi dưỡng một con riêng 04 tuổi, thời gian chị đi làm ở quán bia đến đêm mới về nên phải nhờ ông bà ngoại chăm sóc giúp, buổi sáng chị vẫn đưa con đi học, ông bà nội cũng có xuống đón cháu về chơi khi tan học, tối ông bà đưa cháu về với chị. Với những điều kiện như đã trình bày, chị đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Bảo L cho chị nuôi dưỡng, không đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: không có.

\* Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày quan điểm như sau: về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị H đã trình bày ở trên, anh không có ý kiến gì. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị H trình bày, mâu thuẫn của anh chị phát sinh từ tháng 5/2024, lý do là anh phát hiện chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, từ khi vợ chồng sống ly thân chị H còn chung sống với người đàn ông này như vợ chồng tại nhà bố mẹ đẻ chị H, chị H còn chụp ảnh chung với người đó rồi đăng trên mạng xã hội. Trước đây, vì con còn nhỏ nên anh đã cho chị H cơ hội để vợ chồng khắc phục mâu

thuần về đoàn tụ nhưng sau đó chị H vẫn gửi đơn đến Tòa đòi ly hôn, từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở lên căng thẳng hơn, chị H cho rằng anh có hành vi bạo hành chị H là không có cơ sở. Gia đình hai bên cũng hoà giải cho vợ chồng anh nhiều lần nhưng không có kết quả, đến nay mâu thuẫn vợ chồng anh đã rất trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung đúng như chị H đã trình bày, khi ly hôn, anh cũng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh không đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung. Anh biết con chung còn nhỏ, nhưng hiện nay chị H không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung phát triển tốt, chị H không có việc làm ổn định, không có thu nhập để nuôi con, lại còn nợ nần khắp nơi, thường xuyên đi vắng không có nhà thậm chí đi đến đêm khuya mới về nên không có thời gian chăm sóc con. Ngoài ra chị H còn phải nuôi dưỡng, chăm sóc thêm một con riêng cũng còn nhỏ, gia đình chị H thì hoàn cảnh rất khó khăn, ở chung với bố mẹ đẻ, nhà cửa rất chật chội, không thuận tiện cho việc sinh hoạt cho cả gia đình. Mỗi lần anh hay bố mẹ anh xuống nhà đều xảy ra mâu thuẫn, chị H thường nhắn tin chửi bới và cấm đoán không cho gặp con. Trong thời gian đầu chị H đưa đơn ra Tòa án, vì có người khác nên chị H không về nhà ngoại, bỏ mặc con không chăm sóc mặc dù có nguyện vọng nuôi con. Từ khi sống ly thân chị H cho con đi học, gia đình anh vẫn hỗ trợ đón con về chăm sóc, riêng tháng đầu tiên con đi học chị H không nộp tiền nên anh cũng đóng học cho con. Trong thời gian vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn, con chung ở với anh và ông bà nội được sinh hoạt trong điều kiện nhà cửa rộng rãi, khang trang, cơ sở vật chất rất tốt, con được nuôi dưỡng đầy đủ trong sự yêu thương của cả gia đình. Hiện nay anh làm công nhân tại Công ty C với mức lương từ 08 đến 10 triệu đồng/tháng, sống chung với bố mẹ, có nhà ở đầy đủ tiện nghi, gần trường học, bệnh viện, bố mẹ anh đều còn trẻ, vẫn đi làm có thu nhập ổn định nên có thể hỗ trợ cho anh chăm sóc con khi anh được nuôi dưỡng con chung. Được nuôi con chung anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H với anh T; về con chung: không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H, giao con chung Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/7/2023 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng cho con chung và được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị H yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

\* Về quan hệ hôn nhân: cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C vào năm 2023. Sau kết hôn, anh chị về sống cùng gia đình nhà nội tại tổ F, khu T, phường C, thành phố C. Quá trình tham gia tố tụng cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chung sống không có hạnh phúc, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn hai anh chị khai cơ bản giống nhau, cả hai đều nghi ngờ nhau có quan hệ tình cảm với người khác, không có niềm tin vào tình cảm dành cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị H còn cho rằng anh T có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị nhiều lần và cung cấp các bằng chứng chứng minh anh chị xảy ra xô xát, anh T có những tin nhắn với nhiều người phụ nữ khác, không chung thủy với chị. Anh T cũng cung cấp các chứng cứ chứng minh chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Căn cứ vào những tài liệu thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T kết hôn khi tuổi còn trẻ nên vợ chồng không có sự nhường nhịn nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống chung không có hạnh phúc, cả hai không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, gia đình hai bên có hoà giải cũng không đạt kết quả, từ khi sống ly thân thì mâu thuẫn vợ chồng còn trở lên căng thẳng hơn nên tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh T.

+ Về con chung: chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 27/8/2023, tại phiên tòa anh chị đều giữ quan điểm muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung. Chị H không đồng ý quan điểm để anh T nuôi dưỡng con chung vì cho rằng con chung còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, tư cách đạo đức của anh T không tốt, anh T phụ thuộc vào gia đình nhà nội, không tự chăm sóc được con nên không đảm bảo để giáo dục, dạy dỗ con phát triển tốt. Anh T không đồng ý với quan điểm của chị H, không đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung vì bản thân chị H còn có một con riêng với người đàn ông khác cũng còn rất nhỏ (mới chỉ 4 tuổi), hiện chị H không có việc làm, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế gia đình cũng rất khó khăn nên không đảm bảo để cho con chung của anh chị phát triển tốt, chị H còn mãi mê với mối quan hệ tình cảm mới nên không dành thời gian để chăm sóc con do vậy sẽ ảnh hưởng đến sự giáo dục, dạy dỗ con chung.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, tham khảo ý kiến tại địa phương nơi chị **H** cư trú thì đều có quan điểm thể hiện “chị **H** và anh **T** xảy ra mâu thuẫn, trực trực nên chị **H** đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở.... Ngoài con chung với anh **T** khoảng hơn 1 tuổi thì chị **H** còn đang nuôi dưỡng một con riêng khác, hiện cũng khoảng 4 – 5 tuổi.... Hiện chị **H** không có nghề nghiệp gì ổn định, hiện làm công việc gì, ở đâu thì khu phố không nắm được chỉ biết chị **H** đi suốt, rất ít khi thấy ở nhà, hai đứa trẻ chủ yếu do ông bà ngoại chăm sóc, trông nom là chính.... Gia đình chị **H** cũng thuộc hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cả gia đình gồm bố mẹ và ba người con đều ở trong nhà cấp 4 cũ, đã xuống cấp, diện tích nhỏ hẹp nên khá chật chội”, “Chị **H** là con gái của ông **Lê Viết K** và bà **Nguyễn Thị T1**.... hộ gia đình bà **T1** rất khó khăn (trước đây là hộ cận nghèo...). Hiện nay cả ba con chung của ông bà đều về ở cùng, cả gia đình sống trong một căn nhà cấp 4 đã cũ, xây dựng từ lâu, xập xệ, lợp mái tôn, diện tích nhỏ hẹp nên khá chật chội... chị **H** tuổi còn quá trẻ, không có học hành bằng cấp gì, hiện tại không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Cuộc sống khá bấp bênh, con cái trông chờ vào sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ trong khi bố mẹ đẻ cũng hoàn cảnh khó khăn... với điều kiện hoàn cảnh của chị **H** hiện nay không đảm bảo cho việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung chưa thành niên được.... Việc chị **H** nuôi dưỡng thêm một con chung nữa rất là khó khăn không chỉ với bản thân chị **H** mà còn khó khăn cho cả gia đình chị **H**. Đề nghị Tòa án xem xét khách quan, toàn diện điều kiện hoàn cảnh của cả hai bên, nếu bên nào có điều kiện tốt hơn thì giao con cho người đó để đảm bảo cho đứa trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất”. Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh **T** thì được cung cấp “...Về hoàn cảnh gia đình anh **T** thì khu phố thấy tốt hơn rất nhiều so với hoàn cảnh gia đình chị **H**. Bố mẹ anh **T** còn trẻ, khoẻ, ông **T2** vẫn đi làm, hai vợ chồng đều có thu nhập, có lương, anh **T** sống chung với bố mẹ, gia đình 03 nhân khẩu cư trú..... phòng rộng, đầy đủ tiện nghi.... Anh **T** làm công nhân của **Công ty cổ phần C1** gần nhà nên công việc và thu nhập tương đối ổn định”.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”. Tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình cũng hướng dẫn đối với trường hợp “Người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con” quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thuộc một trong các trường hợp sau đây: “Có thu nhập mỗi tháng thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người mẹ đang cư trú và không có tài sản nào khác để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”. Tại Điều 6 của Nghị quyết còn hướng dẫn trường hợp khi xem xét “quyền lợi về mọi mặt của con” quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 phải đánh giá khách quan, toàn diện các tiêu

chí về điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh **T** đi làm và có thu nhập ổn định, có điều kiện đảm bảo về chỗ ở, sinh hoạt, học tập và có sự giúp đỡ của bố mẹ để anh **T** trong việc chăm sóc, nuôi dạy con chung của anh chị. Anh **T** đã giao nộp cho Tòa án xác nhận của đơn vị nơi công tác về mức thu nhập ổn định và các hình ảnh chứng minh về điều kiện sinh hoạt hiện tại của gia đình chị **H**, phù hợp với các chứng cứ khác Tòa án đã thu thập được tại nơi cư trú của chị **H**. Quá trình giải quyết vụ án chị **H** cho rằng đi làm có thu nhập để đảm bảo nuôi dưỡng con nhưng tại phiên tòa chị cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập và công việc làm ổn định, thời gian làm việc của chị **H** cũng không đảm bảo để chăm sóc con chung với anh **T** và cả con riêng của chị **H**. Chị **H** không yên tâm về cách dạy dỗ, chăm sóc con của anh **T**, không đồng ý để anh **T** nuôi dưỡng con chung nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, với các chứng cứ chị đã nộp tại Tòa án đều chứng minh về mâu thuẫn của anh chị đã rất trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, không phải chứng cứ chứng minh việc chăm sóc, nuôi dạy con không đảm bảo của anh **T**.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên cũng có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, việc giao con chung cho anh **T** nuôi dưỡng là để đảm bảo được các điều kiện cần thiết cho sự phát triển cho con chung của anh chị khi ly hôn. Với các chứng cứ và tài liệu tòa án như đã phân tích ở trên mặc dù con chung của anh chị chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng việc giao con chung cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự chăm sóc, phát triển của cháu bé, do vậy không chấp nhận yêu cầu giao con chung **Nguyễn Bảo L** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung **Nguyễn Bảo L** cho anh **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh **T**, cũng như đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống ổn định của con chung của anh chị.

Do anh **T** không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên chị **H** không phải cấp dưỡng cho con chung, chị **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị **H** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị **Lê Thị H** với anh **Nguyễn Văn T**.
2. Về con chung: giao cho anh **Nguyễn Văn T** có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Nguyễn Bảo L**, sinh ngày 27/8/2023, cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **Lê Thị H** không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: chị **Lê Thị H** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp ngày 13/6/2024 theo biên lai số: 0002329 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Quảng Ninh ;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã Ký)**

**Nguyễn Thị Quỳnh**